

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẠM TẤU
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HS-ST

Ngày: 26-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Khương;

2. Bà Hà Thị Lan Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quang Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; trụ sở đóng tại tổ dân phố số 2, thị trấn Trạm Tấu, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2021, đối với bị cáo:

Hà Anh T, sinh ngày 20 tháng 7 năm 1995 tại thị trấn N, huyện V, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú tổ 7, thị trấn N, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ học vấn 6/12; dân tộc Tày; giới tính nam; tôn giáo Công giáo; quốc tịch Việt Nam; con ông Hà Mạnh C, sinh năm 1958 (đã chết) và bà Mai Thị T, sinh năm 1957; chưa có vợ, con; tiền án không; tiền sự không; nhân thân ngày 16 tháng 8 năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; ngày 21 tháng 8 năm 2014 bị Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản; tạm giam từ ngày 12-01-2021; “Có mặt”.

- Bị hại: Ông Giàng A K, sinh ngày 02-9-1974; nơi cư trú thôn S, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

- Người làm chứng:

+ Bà Hà Thị T, sinh năm 1986; nơi cư trú tổ 5, thị trấn N, huyện V, tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

+ Ông Phạm Văn L, sinh năm 1980; nơi cư trú tổ 5, thị trấn N, huyện V, tỉnh Yên Bái; “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 05-01-2021, tại cổng Công ty cổ phần khoáng sản Y; thuộc thôn S, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái. Hà Anh T nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, loại xe Win, màu đen, biển kiểm soát 21K1: 421.70, quan sát không có người trông coi nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp, do không có chìa khóa nên bị cáo rút dây điện tại vị trí đồng hồ xe nối trực tiếp với dây điện đầu vào TK, bẻ 02 gương và biển số vứt đi, rồi bị cáo nổ máy, đi xe vào Công ty Y sau đó về nhà tại tổ 7, thị trấn N, huyện V, khoảng 00 giờ ngày 06-01-2021 bị cáo về đến nhà và gọi mẹ là bà Mai Thị T mở cửa và dắt xe vào nhà; ngày 07-01-2021 bị cáo lấy xe trộm cắp được đi vào nhà chị gái là Hà Thị T ở tổ 5, thị trấn N, huyện V chơi đến chiều tối ăn cơm xong, bị cáo dắt xe trộm cắp được đi cất giấu ở đồi chè phía sau nhà chị T. Ngày 12-01-2021 bị cáo bị CQĐT Công an huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái triệu tập bị cáo để điều tra làm rõ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 02/KL-HĐĐG ngày 12-01-2021, của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Trạm Tấu kết luận: 01 chiếc xe mô tô loại xe Win, nhãn hiệu ESPERO, màu sơn đen, biển kiểm soát 21K1: 421.70, xe đã cũ qua sử dụng có giá trị là: 9.408.000 đồng (*chín triệu bốn trăm linh tám nghìn đồng*).

Bản cáo trạng số: 05/CT-VKS-TT ngày 30-3-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, truy tố Hà Anh T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Hà Anh T khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp xe mô tô của anh Giàng A K.

Trong quá trình điều tra bị hại ông Giàng A K đã nhận lại chiếc xe mô tô do bị cáo trộm cắp; tại phiên tòa ông Giàng A K yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại do bị cáo làm hư hỏng chiếc xe là 2.000.000 đồng. Bị cáo nhất trí bồi thường.

Về trách nhiệm hình sự bị hại đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu giữ nguyên quan điểm truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Hà Anh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hà Anh T từ 01 (*một*) năm đến 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 246 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357, Điều 468, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại như sau: Bị cáo Hà Anh T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Giàng A K là 2.000.000 (*hai triệu*) đồng

- Án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

- Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, để sớm được trở về với gia đình và hòa nhập với xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trạm Tấu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 05-01-2021 tại cổng Công ty cổ phần khoáng sản Y, thuộc thôn S, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái. Hà Anh T đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người dân để xe mô tô ở vệ đường, không có người trông giữ, Hà Anh T đã trộm cắp của ông Giàng A K 01 chiếc xe mô tô loại xe Win, nhãn hiệu ESPERO, màu sơn đen, biển kiểm soát 21K1: 421.70, giá trị: 9.408.000 đồng (*chín triệu bốn trăm linh tám nghìn đồng*).

Bị cáo Hà Anh T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do vụ lợi nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản.

Hành vi mà bị cáo T thực hiện đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương.

Từ những căn cứ trên đã có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Hà Anh T thực hiện đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo T nhiều lần bị kết án, nên xác định bị cáo là người có nhân thân xấu tại địa phương.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Ngay sau khi bị triệu tập và tại phiên tòa, bị cáo T đã thành khẩn khai báo; tài sản mà bị cáo trộm cắp là không lớn đã thu hồi trả cho chủ sở hữu. Đây các là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Bị cáo T được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, tội phạm mà bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng. Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân xấu, hơn nữa cho bị cáo hưởng án treo sẽ gây ảnh hưởng xấu đến công cuộc đấu tranh, phòng, chống tội phạm trong tình hình hiện nay. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Bị cáo T lao động tự do, không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 2.000.000 đồng tiền sửa xe, bị cáo nhất trí bồi thường. Xét sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[8] Vật chứng: 01 (một) chiếc xe mô tô loại xe Win, nhãn hiệu ESPERO, màu sơn đen, không có biển kiểm soát; số khung J2PEKA322206, số máy 154FMJ322206, xe đã cũ đã qua sử dụng và 01 (một) biển kiểm soát viền kim loại có in chữ số: 21K1: 421.70.

Ngày 08-3-2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện Trầm Thủy đã trả lại chiếc xe và biển kiểm soát nêu trên cho chủ sở hữu là ông Giàng A K là hợp pháp, nên cần được chấp nhận.

[9] Án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm; bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Hà Anh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hà Anh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo, là ngày 12-01-2021.

3. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 246 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357, Điều 468, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại như sau: Bị cáo Hà Anh T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Giàng A K là 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Kể từ ngày ông Giàng A K có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải bồi thường, hàng tháng Hà Anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo phải chịu 500.000 đồng tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- THADS huyện Trạm Tấu;
- Công an huyện Trạm Tấu;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Trạm Tấu;
- Bị cáo; bị hại;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- UBND thị trấn N;
- Lưu: Hs, TA, THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Xuân